

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 738/TTr-SCT ngày 05 tháng 3 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 và thay thế Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục KTVB - TCTDTHPL, Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Nghệ An;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Nghệ An;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN(TP, CV N.A.Tuấn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

## QUY CHẾ

### Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26../2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức phối hợp và nội dung quản lý, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp;

c) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ngành); Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

#### 1. Nguyên tắc quản lý

a) Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

b) Các sở, ngành và các đơn vị liên quan triển khai tham mưu các nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền lĩnh vực chuyên môn được giao đối với các cụm công nghiệp đảm bảo thống nhất trong hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp;

c) Việc phối hợp quản lý, phát triển đối với cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị liên quan và không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo kịp thời và hiệu quả.

#### 2. Phương thức phối hợp

Tuỳ theo tính chất, nội dung công việc do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác nhau tham gia phối hợp giải quyết, cụ thể:

a) Đối với cơ quan chủ trì:

Cơ quan chủ trì chủ động giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp; tổng hợp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Việc tổ chức lấy ý kiến bằng các hình thức: Tổ chức cuộc họp để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp và ghi nhận kết quả bằng biên bản hoặc bằng kết luận làm việc; hoặc gửi hồ sơ, tài liệu liên quan xin ý kiến đến các cơ quan phối hợp để nghiên cứu, góp ý.

Sau khi triển khai lấy ý kiến phối hợp, tổng hợp xử lý, có kết luận liên quan đến cụm công nghiệp, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã có cụm công nghiệp liên quan các quyết định, văn bản, hướng dẫn, kết luận và các văn bản khác liên quan đến hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp để tổng hợp, phục vụ công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp;

b) Đối với cơ quan phối hợp:

Có trách nhiệm cử đại diện lãnh đạo, chuyên môn tham dự, góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu không có ý kiến thì cơ quan phối hợp phải chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

Khi được hỏi ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn được ghi trong văn bản;

c) Căn cứ vào kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp do các cơ quan quản lý chuyên ngành lập hoặc được giao hàng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành thông báo nội dung để Sở Công Thương tổng hợp làm cơ sở bố trí phối hợp thực hiện quản lý cụm công nghiệp trong năm. Đối với các chương trình công tác đột xuất, các cơ quan chuyên ngành thông báo với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp thực hiện.

### **Điều 3. Quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp**

#### 1. Về quy mô diện tích cụm công nghiệp

Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 10 ha. Đối với cụm công nghiệp ở các xã miền núi và cụm công nghiệp làng nghề có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha.

#### 2. Về phương án phát triển cụm công nghiệp

a) Nội dung chủ yếu của phương án phát triển cụm công nghiệp: Ngoài quy định tại điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp phải thực hiện nội dung sau: Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch; dự báo nhu cầu mặt bằng của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các cụm công nghiệp, khả năng quỹ đất phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh; dự báo nhu cầu lao động làm việc tại các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch;

b) Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp: Ngoài quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, phương án phát triển cụm công nghiệp điều chỉnh khi có sự điều chỉnh quỹ đất dành cho phát triển cụm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và phù hợp với hiệu quả đầu tư xây dựng hạ tầng, khả năng cho thuê của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã.

### 3. Về thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Điều kiện thành lập cụm công nghiệp: Ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, cụm công nghiệp được thành lập khi có trong phương án phát triển cụm công nghiệp tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quỹ đất phù hợp với các quy hoạch liên quan theo quy định hiện hành. Trong trường hợp địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 100 ha. Trường hợp cụm công nghiệp đã thành lập nằm trên hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp trên các địa bàn đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp trên các địa bàn không vượt quá 100 ha được tính đối với phần diện tích trên từng địa bàn cấp xã, theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt;

b) Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp: Ngoài quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, cụm công nghiệp được mở rộng khi tổng quy mô diện tích cụm công nghiệp sau khi mở rộng không vượt quá 75 ha; có quỹ đất phù hợp với các quy hoạch liên quan theo quy định hiện hành;

c) Trường hợp cụm công nghiệp có điều chỉnh về tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp xã, diện tích tăng không quá 05 ha so phương án phát triển cụm công nghiệp tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với các quy hoạch khác liên quan theo quy định pháp luật hiện hành thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đồng thời cập nhật nội dung thay đổi vào Quy hoạch tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào kỳ phê duyệt tiếp theo.

### 4. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

Ngoài quy định tại điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp phải có tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp cụm công nghiệp nằm trên hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, giao Ủy ban nhân dân xã, phường có diện tích đất lớn nhất trong cấu thành cụm công nghiệp trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan phối hợp, cung cấp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu về việc đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp.

## Chương II

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP

#### **Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp**

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, cơ chế, chính sách, có liên quan đến quản lý và phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hỗ trợ đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định hiện hành.

3. Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến, góp ý các cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp; tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

#### **Điều 5. Xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát và đề xuất xây dựng, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan tổng hợp đề xuất của các địa phương, rà soát, xem xét, hoàn thiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tích hợp Phương án phát triển, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào Quy hoạch tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

4. Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp xây dựng, điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định.

#### **Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp**

1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị

định số 32/2024/NĐ-CP; Điều 11 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và các quy định khác có liên quan, chủ trì phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoàn thiện hồ sơ trình Sở Công Thương;

b) Sở Công Thương chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là Hội đồng); tham mưu các nội dung thẩm định, lựa chọn chủ đầu tư cho Hội đồng theo khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng để thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư theo quy định pháp luật. Trên cơ sở kết quả đánh giá lựa chọn chủ đầu tư của Hội đồng, Sở Công Thương tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định;

c) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thẩm định, tham gia ý kiến về quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Điều chỉnh, bãi bỏ Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tiễn, chủ trì hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định;

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định;

c) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thẩm định, tham gia ý kiến về điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định.

**Điều 7. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan rà soát hồ sơ pháp lý, hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoạt động của các cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg, căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP đề xuất phương án xử lý các cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý, báo cáo Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định thành lập cụm công nghiệp theo quy định.

**Điều 8. Lập, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định. Gửi Sở Xây dựng, Sở Công Thương 01 (một) bản Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp để theo dõi, tổng hợp.

2. Các sở, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp theo chức năng quản lý ngành.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp đã được phê duyệt; trình thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 9. Lập, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp**

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

**Điều 10. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**

1. Chủ đầu tư thực hiện lập hồ sơ, thủ tục về môi trường trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, thẩm định các thủ tục về môi trường theo quy định.

3. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp thẩm định các nội dung liên quan theo quy định.

**Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chủ động phối hợp thực hiện các thủ tục liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

**Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp**

1. Tiếp nhận các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy định. Việc tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp phải đáp ứng các quy định tại Điều 29, Điều 35 của Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan; không tiếp nhận thêm hoặc nâng công suất dự án đầu tư có phát sinh nước thải trong khi hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp chưa đảm bảo điều kiện đáp ứng theo quy định.

2. Thực hiện thủ tục về đầu tư

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn nhà đầu tư thứ cấp chuẩn bị hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường, PCCC và các thủ tục khác liên quan theo quy định;

b) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì thẩm định hoặc tham gia ý kiến góp ý, cấp giấy phép đối với các hồ sơ, thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy,... thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào các cụm công nghiệp.

**Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích**

1. Đối với cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách:

a) Đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm chủ trì xây dựng phương án giá dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của từng cụm công nghiệp theo quy định của Luật Giá và các quy định pháp luật khác có liên quan gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật;

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về giá và các quy định pháp luật liên quan khác;

c) Đơn vị được giao quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cụm công nghiệp: Tổ chức thực hiện quy định về việc cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện

ích chung trong cụm công nghiệp để phục vụ cho việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; hướng dẫn các nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung của cụm công nghiệp theo quy định.

2. Đối với cụm công nghiệp do doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trước khi tiếp nhận tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật và gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bản chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt để theo dõi, quản lý; trường hợp đã có tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thì trước khi phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích phải lấy ý kiến tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp. Định kỳ Quý I hàng năm ban hành Quyết định công bố giá cho thuê mặt bằng của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng gửi Sở Công Thương theo dõi và công khai diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại trong cụm công nghiệp trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và địa phương;

b) Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong cụm công nghiệp và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

c) Trách nhiệm của các nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp: Sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp phải đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp;

e) Các sở, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp khi có yêu cầu.

#### **Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo, tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung**

##### **1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh**

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo đúng các nội dung được cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành; bố trí tối thiểu 20 ha hoặc 5% tổng quỹ đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp dành cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê;

b) Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh; thực hiện đầy đủ chế độ, nội dung báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## 2. Công tác thông tin báo cáo

Các sở, ngành, địa phương, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

## 3. Tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung để chia sẻ, kết nối, phục vụ công tác quản lý, theo dõi về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thường xuyên cập nhật số liệu, dữ liệu liên quan trên hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

## **Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên theo dõi, đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn thực hiện việc đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành cụm công nghiệp theo hồ sơ đã được phê duyệt và đúng quy định; tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (khi có dấu hiệu vi phạm), xử lý vi phạm (nếu có) theo đúng quy định. Kết quả báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi.

2. Các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc chấp hành các chính sách, pháp luật liên quan, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật (nếu có) theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Công Thương chủ trì phối hợp các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất hiệu quả thực hiện phương án phát triển, chính sách quản lý, phát triển cụm công

nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Khi tiến hành kiểm tra có trách nhiệm hướng dẫn, chấn chỉnh chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp về các tồn tại, hạn chế trong quá trình hoạt động, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các kiến nghị, các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra chuyên ngành đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn, thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý cụm công nghiệp, thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Điều 32 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP; chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quyền hạn, trách nhiệm được giao tại Điều 33 Nghị định 32/2024/NĐ-CP; chủ trì, phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan phổ biến nội dung, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ngành có trách nhiệm quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, ngành, chủ trì thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị đầu mối thực hiện quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã; thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Điều 6, Điều 11 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP, các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chế này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định theo văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung phù hợp./.